

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển
Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; số 56/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét tờ trình số 154/TTr-CHHĐTVN ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trình phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng thẩm định và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

Cảng biển Quảng Ngãi gồm khu bến Dung Quất, bến cảng Sa Kỳ, bến cảng Mỹ Á, bến cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn) và các bến cảng tiềm năng khác theo quy hoạch khu kinh tế Dung Quất phục vụ giao lưu giữa đất liền với đảo Lý Sơn và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; các khu neo đậu, khu chuyển tải, tránh bão.

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu đến năm 2030

- Về hàng hóa và hành khách thông qua: hàng hóa từ 47,20 đến 48,20 triệu tấn (chưa bao gồm hàng của các dự án mở rộng/xây mới Khu liên hợp sản xuất gang thép); hành khách từ 1,13 đến 1,26 triệu hành khách.

- Về kết cấu hạ tầng: có tổng số 11 bến cảng gồm 41 cầu cảng với tổng chiều dài 8.251,5 m (chưa bao gồm các bến cảng khác).

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Về hàng hóa và hành khách thông qua: hàng hóa với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

- Về kết cấu hạ tầng: tiếp tục phát triển các bến cảng mới đáp ứng nhu cầu thông qua hàng hóa.

2. Nội dung quy hoạch

a) Phạm vi, chức năng, cỡ tàu tại các khu bến tuân thủ theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quy hoạch các khu bến cảng

(1) Quy hoạch đến năm 2030

- Khu bến Dung Quất

+ Về hàng hóa thông qua: tại cầu cảng, hàng hóa từ 38 triệu tấn đến 38,8 triệu tấn (chưa bao gồm hàng của các dự án mở rộng/xây mới Khu liên hợp sản xuất gang thép). Hàng hóa thông qua bến phao (bến SPM) khoảng 8,6 triệu tấn.

+ Quy mô các bến cảng: 09 bến cảng (gồm 38 cầu cảng) với tổng chiều dài 7.861 m (chưa bao gồm các bến cảng khác), cụ thể như sau:

. Bến cảng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất (bến cảng chuyên dụng khai thác hàng xăng dầu): 06 cầu cảng có tổng chiều dài 1.070 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 50.000 tấn, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua khoảng 7,6 triệu tấn; 02 bến phao SPM tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 400.000 tấn, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua khoảng 8,6 triệu tấn.

. Bến cảng PTSC Quảng Ngãi: 01 cầu cảng hàng tổng hợp, rời với chiều dài 210 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 2,1 triệu tấn.

. Bến cảng số 3 - PTSC: 01 cầu cảng hàng tổng hợp, container với tổng chiều dài 290 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp

ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 0,15 triệu tấn.

. Bến cảng Gemadept Dung Quất: 01 cầu cảng hàng tổng hợp, rời với tổng chiều dài 290 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 2,25 triệu tấn.

. Bến số 4, số 5: 02 cầu cảng hàng tổng hợp, container với tổng chiều dài 420 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 0,25 triệu tấn.

. Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất: 08 cầu cảng hàng tổng hợp, container với tổng chiều dài 1.810 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 1,2 triệu tấn.

. Bến cảng Doosan - Dung Quất: 01 cầu cảng hàng tổng hợp với tổng chiều dài 240 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 35.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 0,08 triệu tấn.

. Bến cảng tổng hợp Hào Hưng: 04 cầu cảng hàng tổng hợp, rời với tổng chiều dài 858 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 2,8 triệu tấn.

. Bến cảng chuyên dùng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất: 12 cầu cảng hàng tổng hợp, rời với tổng chiều dài 2.673 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 200.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua 22,37 triệu tấn.

- Bến cảng Sa Kỳ

+ Về hàng hóa thông qua: hàng hóa từ 0,4 triệu tấn đến 0,5 triệu tấn, hành khách từ 554,8 nghìn lượt khách đến 613,3 nghìn lượt khách.

+ Quy mô bến cảng: có 01 bến cảng gồm 02 cầu cảng, cụ thể như sau:

. Bến cảng Sa Kỳ: 02 cầu cảng hàng tổng hợp (kết hợp khách) với tổng chiều dài 200 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 2.000 tấn, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua từ 0,4 đến 0,5 triệu tấn.

- Bến cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn):

+ Về hàng hóa thông qua: hàng hóa từ 0,2 triệu tấn đến 0,3 triệu tấn, hành khách từ 577,4 nghìn lượt khách đến 648,6 nghìn lượt khách.

+ Quy mô các bến cảng: có 01 bến cảng, cụ thể như sau:

. Bến cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn): 01 cầu cảng hàng tổng hợp (kết hợp bên khách) với chiều dài 190,5 m, tiếp nhận cỡ tàu trọng tải đến 5.000 tấn khi đủ điều kiện, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua từ 0,2 đến 0,3 triệu tấn.

- Bến cảng Mỹ Á, các bến cảng trên đảo Lý Sơn, bến cảng tiềm năng khác: Phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của địa phương.

- Khu neo đậu tránh, trú bão:

Khu vực neo đậu chờ đợi cầu, đợi luồng, tránh bão tại Dung Quất và các khu vực khác cho tàu đến 200.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện.

(2) Tầm nhìn đến năm 2050

Tiếp tục phát triển các bến cảng mới đáp ứng nhu cầu thông qua hàng hóa với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

c) Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng hàng hải

Kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng duy trì chuẩn tắc luồng hiện hữu cho tàu đến 200.000 tấn hành hải. Trường hợp huy động nguồn xã hội hóa, cho phép đầu tư luồng hàng hải phù hợp với quy mô quy hoạch bến cảng. Quy hoạch kết cấu hạ tầng phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng hải và quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải tại khu vực cảng biển.

d) Định hướng quy hoạch hạ tầng giao thông kết nối

Triển khai kết nối đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và ven biển theo quy hoạch được duyệt.

đ) Các bến cảng khác

Bến cảng khác gồm: bến cảng Nhà máy đóng tàu Dung Quất (gồm: cầu cảng trang trí số 1 dài 420 m tiếp nhận tàu trọng tải đến 300.000 tấn không tải hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện; 02 cầu cảng nhập nguyên vật liệu tổng chiều dài 292 m cho tàu trọng tải đến 10.000 tấn); bến du thuyền phục vụ du lịch; bến cảng phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước, bến nghiên cứu, huấn luyện, đào tạo, cung cấp dịch vụ hàng hải; các bến cảng, cầu cảng gắn liền với các khu bến chính đảm nhận vai trò hỗ trợ thu gom, giải tỏa hàng hóa bằng đường thủy.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này).

e) Định hướng quy hoạch các khu chức năng khác

- Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải: theo lộ trình đầu tư phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn.

- Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch: tại Dung Quất, Sa Kỳ, đảo Lý Sơn.

- Các khu vực tiếp nhận chất nạo vét: theo quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi, các quy hoạch có liên quan và các khu vực, địa điểm được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận, công bố.

II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ MẶT NƯỚC

- Tổng nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch đến năm 2030 khoảng 217 ha (chưa bao gồm các khu vực phát triển các khu công nghiệp, logistics... gắn liền với cảng).

- Tổng nhu cầu sử dụng mặt nước theo quy hoạch đến năm 2030 khoảng 28.650 ha (đã bao gồm diện tích vùng nước khác trong phạm vi quản lý không bố trí công trình hàng hải).

III. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

Nhu cầu vốn đầu tư hệ thống cảng biển đến năm 2030 khoảng 10.830 tỷ đồng gồm vốn đầu tư cho hạ tầng hàng hải công cộng khoảng 2.870 tỷ đồng và nhu cầu vốn đầu tư cho bến cảng khoảng 7.960 tỷ đồng (*chỉ bao gồm các bến cảng kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa*).

IV. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng: các kết cấu hạ tầng phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng hải như khu neo đậu tránh, trú bão, đài thông tin duyên hải. Đầu tư xây dựng bến công vụ, cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành.

2. Bến cảng biển: đầu tư các bến cảng tại khu bến Dung Quất.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Thực hiện các giải pháp quy hoạch theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 và số 140/QĐ-TTg ngày 16/01/2025, trong đó đối với cảng biển Quảng Ngãi tập trung thực hiện các giải pháp sau:

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Có cơ chế thu hút đầu tư xây dựng bến cảng, đặc biệt là các bến cảng phục vụ chung tại các khu kinh tế, công nghiệp, cụm công nghiệp để nâng cao hiệu quả đầu tư bến cảng, quỹ đất, mặt nước. Hỗ trợ các doanh nghiệp cảng thực hiện trong quá trình đầu tư, xây dựng; đặc biệt là tiến độ trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Tận dụng tối đa năng lực cơ sở hạ tầng các bến cảng bốc dỡ đa dạng các chủng loại hàng hóa, ưu tiên bốc dỡ mặt hàng container, tổng hợp phục vụ nhu cầu Khu kinh tế Dung Quất. Đầu tư phát triển các khu bến đồng bộ với cơ sở hạ tầng giao thông kết nối sau cảng; xây dựng cơ chế thu hút hãng tàu, đại lý hàng hải phát triển tại khu cảng.

- Tạo điều kiện bố trí cơ sở làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước, nghiên cứu, huấn luyện, đào tạo, cung cấp dịch vụ hàng hải tại các bến cảng mới; tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong quá trình thực hiện quy hoạch, đảm bảo sự phối hợp, gắn kết đồng bộ với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông khu vực, quy hoạch xây dựng và quy hoạch chung phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có cảng biển.

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các chính sách về giá, phí tại cảng biển để nâng cao hiệu quả đầu tư cảng biển, tăng tính hấp dẫn đối với các hãng tàu.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế và các điều kiện để huy động đa dạng các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển theo quy hoạch và thể chế hóa các giải pháp về phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực; khai thác nguồn lực từ quỹ đất, mặt nước, nguồn thu từ cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng đầu tư từ nguồn ngân sách.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, khai thác cảng biển; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển. Tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong việc chia sẻ trách nhiệm đầu tư, bảo trì kết cấu hạ tầng công cộng tại cảng biển như một phần trong dự án đầu tư khai thác cảng biển của doanh nghiệp.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Khuyến khích Nhà đầu tư khai thác cảng ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống cảng biển; đẩy mạnh chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị sử dụng điện, năng

lượng xanh hoặc có các biện pháp tương đương tại các cảng đầu tư mới, đầu tư bổ sung và cảng hiện hữu đáp ứng các tiêu chí cảng xanh.

- Xây dựng các cơ chế ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp cảng xanh, đồng thời đưa tiêu chí cảng xanh là một trong các tiêu chí để cấp có thẩm quyền xem xét lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án cảng biển.

- Ưu tiên đầu tư, phát triển, sử dụng hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin cơ chế một cửa quốc gia.

4. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong công tác quản lý, khai thác hạ tầng cảng biển; nghiên cứu thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở các lĩnh vực liên quan đến quản lý và khai thác cảng.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước thông qua các chính sách ưu đãi, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Thực hiện các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế về biển mà Việt Nam là thành viên; nghiên cứu tham gia các điều ước quốc tế liên quan.

- Tăng cường hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế nhằm phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện quy hoạch bảo đảm các cảng biển được đầu tư, khai thác theo đúng công năng, quy mô, lộ trình quy hoạch được duyệt; bảo đảm đồng bộ giữa cảng biển và các hạ tầng liên quan. Định kỳ tổ chức hội nghị cảng biển để giải quyết các vấn đề liên quan.

- Các bến cảng hiện hữu được phép cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới phù hợp với quy mô, công năng, cỡ tàu đã được quy định trong Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cỡ tàu theo quy hoạch (tấn trọng tải) để làm cơ sở đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển, không là cơ sở để không cho phép tàu có trọng tải lớn hơn hành hải trên luồng và ra, vào cảng. Các tàu có trọng tải lớn hơn nhưng có thông số kỹ thuật khác phù hợp với khả năng tiếp nhận của cầu cảng, phù hợp chuẩn tắc kỹ thuật của luồng tàu (bề rộng, chiều sâu, tĩnh không...), đảm bảo điều kiện an toàn có thể được xem xét cho phép vào cảng theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kết nối hệ thống cảng cạn, trung tâm phân phối hàng hóa, dịch vụ hậu cần sau cảng và dịch vụ logistics để hỗ trợ cho hoạt động cảng biển. Liên kết giữa các doanh nghiệp cảng biển, hãng tàu và công ty logistics trên địa bàn với các nhà khai thác cảng cạn, kho bãi, nhà cung cấp dịch vụ vận tải tạo thành chuỗi dịch vụ, hướng đến hình thành “hệ sinh thái logistics” hỗ trợ chủ hàng từ vận chuyển, lưu trữ

đến phân phối sản phẩm.

- Xây dựng kho dữ liệu tập trung, xây dựng nền tảng công nghệ thông tin khai thác dữ liệu dùng chung phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và khai thác cảng.

- Thiết lập bản đồ số hóa hệ thống cảng biển phục vụ công tác thống kê, tra cứu, quy hoạch và tối ưu hóa tiến trình phát triển cảng biển Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành của tỉnh Quảng Ngãi: công bố, thực hiện chức năng quản lý chuyên ngành hàng hải tại cảng biển Quảng Ngãi theo thẩm quyền; tham mưu cho Bộ Xây dựng hoặc xử lý theo thẩm quyền nội dung có liên quan về dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cầu cảng, bến cảng, giao thông kết nối.

- Nghiên cứu, đề xuất Bộ Xây dựng xem xét, quyết định việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy mô, chức năng, tiến độ thực hiện các cầu, bến cảng.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý, khai thác và các giải pháp quản lý, khai thác các bến cảng thuộc cảng biển Quảng Ngãi.

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch phát triển cảng biển, đề xuất xử lý các dự án không tuân thủ quy hoạch.

- Hướng dẫn, giám sát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển thực hiện kế hoạch phát triển phù hợp với quy hoạch được duyệt; đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Chỉ đạo việc cập nhật các quy hoạch của địa phương phù hợp quy hoạch chi tiết cảng biển được duyệt; quản lý, bố trí quỹ đất để phát triển đồng bộ cảng và hạ tầng kết nối với cảng, khu dịch vụ hậu cảng, dịch vụ hàng hải đảm bảo điều kiện hoạt động thuận lợi cho các cầu, bến cảng.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng của địa phương phối hợp chặt chẽ với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trong quá trình xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, các dự án trên địa bàn địa phương bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cảng biển và các định hướng phát triển giao thông kết nối cảng biển trong quy hoạch.

- Quá trình chấp thuận, cấp phép đầu tư bến cảng, cầu cảng, chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị xây dựng, môi trường, quốc phòng, an ninh để giải quyết các vấn đề có liên quan theo quy định.

- Chủ trì quy định, công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét, nhận chìm chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển Quảng Ngãi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ; các Vụ trưởng; Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các Thứ trưởng;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu VT, KHTC (Thành).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC 01: DỰ BÁO HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2025 của Bộ Xây dựng)

Đơn vị: Triệu tấn

TT	Tên cảng	Kịch bản thấp				Kịch bản cao			
		Tổng cộng	Hàng container	Hàng tổng hợp, rời	Hàng lỏng/khí	Tổng cộng	Hàng container	Hàng tổng hợp, rời	Hàng lỏng/khí
	CẢNG BIỂN QUẢNG NGÃI	47,20	2,00	29,00	16,20	48,20	2,00	30,00	16,20
I	Khu bến Dung Quất	46,60	2,00	28,40	16,20	47,40	2,00	29,20	16,20
1	Bến cảng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất (*)	16,20			16,20	16,20			16,20
2	Bến cảng PTSC Quảng Ngãi	2,10		2,10		2,10		2,10	
3	Bến cảng Gemadept Dung Quất	2,25	1,00	1,25		2,25	1,00	1,25	
4	Bến cảng tổng hợp - Container Hòa Phát Dung Quất	1,20	0,60	0,60		1,20	0,60	0,60	
5	Bến cảng Doosan - Dung Quất	0,08		0,08		0,08		0,08	
6	Bến cảng tổng hợp Hào Hưng	2,50		2,50		2,80		2,80	
7	Bến cảng chuyên dùng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất	21,87		21,87		22,37		22,37	
8	Bến cảng số 3 - PTSC	0,15	0,15			0,15	0,15		
9	Bến số 4,5	0,25	0,25			0,25	0,25		
II	Bến cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn)	0,20		0,20		0,30		0,30	
1	Bến cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn)	0,20		0,20		0,30		0,30	
III	Bến cảng Sa Kỳ	0,40		0,40		0,50		0,50	
1	Bến cảng Sa Kỳ	0,40		0,40		0,50		0,50	

TT	Tên cảng	Kịch bản thấp				Kịch bản cao			
		Tổng cộng	Hàng container	Hàng tổng hợp, rời	Hàng lỏng/khí	Tổng cộng	Hàng container	Hàng tổng hợp, rời	Hàng lỏng/khí
IV	Bến cảng Mỹ Á, các bến cảng trên đảo Lý Sơn, bến cảng tiềm năng khác								

Ghi chú:

(*): Khối lượng hàng hóa bao gồm cả bến phao SPM là 8,6 triệu tấn.

PHỤ LỤC 2: DỰ BÁO HÀNH KHÁCH THÔNG QUA CẢNG BIỂN QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng 3 năm 2025 của Bộ Xây dựng)

Đơn vị: nghìn lượt khách

TT	Tên cảng	Kịch bản thấp	Kịch bản cao
	TỔNG CỘNG	1132,2	1261,9
1	Bến cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn)	577,4	648,6
2	Bến cảng Sa Kỳ	554,8	613,3

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC QUY HOẠCH CHI TIẾT CẢNG BIỂN QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030*(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2025 của Bộ Xây dựng)*

TT	Tên cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030					
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Cỡ tàu (tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Dự kiến cỡ tàu (tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	Ghi chú
					KB thấp ÷ KB cao					
	TỔNG CỘNG	33/6195,5			47/9402,5 ÷ 47/9402,5		74,13 ÷ 83,35	217	938	
	<i>Bến cảng chính</i>	<i>31/6052,5</i>			<i>41/8251,5 ÷ 41/8251,5</i>			<i>168,6</i>	<i>930,9</i>	
	<i>Bến cảng, cầu cảng khác</i>	<i>2/143</i>			<i>6/1151 ÷ 6/1151</i>			<i>48,5</i>	<i>7,5</i>	
I	Khu bến Dung Quất	31/5899			44/9012 ÷ 44/9012		72,95 ÷ 82	211,5	937,0	
-	<i>Bến cảng chính</i>	<i>29/5756</i>			<i>38/7861 ÷ 38/7861</i>		<i>72,95 ÷ 82</i>	<i>163,0</i>	<i>929,5</i>	
-	<i>Bến container, tổng hợp, rời</i>	<i>22/4686</i>			<i>30/6791 ÷ 30/6791</i>		<i>56,9 ÷ 63,54</i>	<i>155,9</i>	<i>49,6</i>	
-	<i>Bến lồng/khi</i>	<i>7/1070</i>			<i>8/1070 ÷ 8/1070</i>		<i>16,05 ÷ 18,46</i>	<i>7,1</i>	<i>879,9</i>	
-	<i>Bến cảng, cầu cảng khác</i>	<i>2/143</i>			<i>6/1151 ÷ 6/1151</i>			<i>48,5</i>	<i>7,5</i>	
1	Bến cảng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất	7/ 1070		LK (*)	8/1070 ÷ 8/1070					
	<i>Cầu cảng</i>	<i>6/ 1070</i>	<i>50.000</i>		<i>6/1070 ÷ 6/1070</i>	<i>50.000</i>	<i>16,05 ÷ 18,46</i>	<i>7,1</i>	<i>879,9</i>	
	<i>Bến phao SPM</i>	<i>1</i>	<i>150.000</i>		<i>2</i>	<i>400.000</i>				
2	Bến cảng PTSC Quảng Ngãi	2/280		TH	2/280 ÷ 2/280		2,1 ÷ 2,42	4,9	2,4	
-	<i>Cầu chính</i>	<i>1/210</i>	<i>70.000 giảm tải</i>	<i>TH</i>	<i>1/210 ÷ 1/210</i>	<i>70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện</i>	<i>2,1 ÷ 2,42</i>	<i>4,1</i>	<i>2,1</i>	

TT	Tên cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030					
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Cỡ tàu (tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài KB thấp ÷ KB cao	Dự kiến cỡ tàu (tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	Ghi chú
-	Cầu cảng khác	1/70		CK (*)	1/70 ÷ 1/70			0,8	0,3	Tiếp nhận tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí
3	Bến cảng Gemadept Dung Quất	1/145	70.000 giảm tải	TH	1/290 ÷ 1/290	70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	4,35 ÷ 5	11,4	2,7	
4	Bến cảng số 3 - PTSC			TH, Cont	1/290 ÷ 1/290	70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	1,74 ÷ 2,01	13,0	1,7	
5	Bến số 4,5			TH, Cont	2/420 ÷ 2/420	70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	3,15 ÷ 3,63	19,2	3,5	
6	Bến cảng tổng hợp - Container Hòa Phát Dung Quất									
	Cầu cảng chính	2/500	50.000	TH, Cont	8/1810 ÷ 8/1810	70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	13,58 ÷ 14,94	41,8	12,5	Thu gom và giải tỏa hàng TH
	Cầu cảng khác				1/160	5.000				

TT	Tên cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030					
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Cỡ tàu (tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Dự kiến cỡ tàu (tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	Ghi chú
7	Bến cảng Doosan - Dung Quất	1/240	35.000	TH (*)	1/240 ÷ 1/240	35.000 hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	0,1 ÷ 0,2	11,6	1,9	
8	Bến cảng tổng hợp Hào Hưng	4/858		TH	4/858 ÷ 4/858	70.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	5,15 ÷ 5,93	23,2	8,2	
9	Bến cảng chuyên dùng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất	12/2573		TH (*)	12/2673 ÷ 12/2673	200.000 hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	30 ÷ 30	31,5	16,8	
10	Bến cảng khác									
10.1	Bến cảng của Nhà máy đóng tàu Dung Quất			CK (*)	3/712 ÷ 3/712			42,0	6,7	có 02 ụ khô đáp ứng tàu 300.000 tấn
-	Cầu cảng trang trí				1/420 ÷ 1/420	300.000 hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện				Cầu cảng trang trí 2 phát triển phù hợp theo nhu cầu
-	Cầu cảng nhập nguyên vật liệu				2/292 ÷ 2/292	10.000				
10.2	Bến cảng Trung tâm Điện lực Dung Quất			CK	Tiến độ đầu tư phù hợp với nhu cầu của Trung tâm Điện lực Dung Quất					
10.3	Bến cảng công vụ	1/73		CK	1/209 ÷ 1/209			5,7	0,5	

TT	Tên cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030					
		Số lượng cầu cảng /Chiều dài	Cỡ tàu (tấn)		Số lượng cầu cảng /Chiều dài KB thấp ÷ KB cao	Dự kiến cỡ tàu (tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	Ghi chú
-	<i>Bến cảng tổng hợp (Bến Đình)</i>	<i>1/190,5</i>	<i>2.000</i>		<i>1/190,5 ÷ 1/190,5</i>	<i>5.000</i>		<i>4,6</i>	<i>0,8</i>	
1	Bến cảng Bến Đình (đảo Lý Sơn)	1/190,5	2.000	TH, HK	1/190,5 ÷ 1/190,5	5.000	0,58 ÷ 0,66	4,6	0,8	
III	Bến cảng Sa Kỳ	1/106	1.000		2/200 ÷ 2/200	2.000	0,6 ÷ 0,69	0,9	0,6	
-	<i>Bến cảng tổng hợp (Sa Kỳ)</i>	<i>1/106</i>	<i>1.000</i>		<i>2/200 ÷ 2/200</i>	<i>2.000</i>	<i>0,6 ÷ 0,69</i>	<i>0,9</i>	<i>0,6</i>	
1	Bến cảng Sa Kỳ	1/106	1.000	TH, HK	2/200 ÷ 2/200	2.000	0,6 ÷ 0,69	0,9	0,6	
-	<i>Cầu cảng 1</i>	<i>1/106</i>	<i>1.000</i>	<i>TH, HK</i>	<i>1/106 ÷ 1/200</i>	<i>2.000</i>				
-	<i>Cầu cảng 2</i>			<i>TH, HK</i>	<i>1/94 ÷ 1/94</i>	<i>2.000</i>				
IV	Bến cảng Mỹ Á, các bến cảng trên đảo Lý Sơn, bến cảng tiềm năng khác				Phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, du lịch của địa phương					

Ghi chú:

- Phạm vi vùng đất, vùng nước được xác định theo quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi, chi tiết vị trí, tọa độ diện tích của từng cầu cảng, bến cảng sẽ xác định cụ thể trong bước chuẩn bị đầu tư.

- Ký hiệu:

+ TH: tổng hợp; rời;

+ Cont.: container;

+ HK: khách;

+ LK: lỏng/khí;

+ CK: cảng khác;

+ (*): không kinh doanh xếp dỡ.

PHỤ LỤC 04: THÔNG SỐ QUY HOẠCH LƯỒNG TÀU CẢNG BIỂN QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày / /2025 của Bộ Xây dựng)

TT	Tên tuyến luồng, đoạn luồng hàng hải	Hiện Trạng			Quy hoạch đến 2030			
		Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Cao độ đáy (mHD)	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Cao độ đáy (mHD)	Cỡ tàu (tấn)
I	Khu bến Dung Quất							
	Luồng hàng hải Dung Quất							
1	Luồng hàng hải Dung Quất	4,8	230	-20,0	4,8	320	-20,0	Tàu đến 200.000 tấn (hoặc trọng tải lớn hơn khi đủ điều kiện); tàu 70.000 tấn hành hải 2 làn
2	Đoạn luồng vào Bến cảng nhà máy đóng tàu Dung Quất	2,0	150,0	-7,9	1,1	240,0	-9,0	Tàu 300.000 tấn không tải
II	Khu bến Sa Kỳ							
1	Luồng hàng hải Sa Kỳ	2,1	50,0	-3,5	2,1	50,0	-3,5	2.000 giảm tải
III	Khu bến Bến Đình							
1	Luồng hàng hải vào cảng Bến Đình				1,55	60,0	-5,6	5.000 giảm tải

Ghi chú:

- Trường hợp huy động nguồn xã hội hóa, cho phép đầu tư luồng hàng hải phù hợp với quy mô quy hoạch bến cảng.
- Chuẩn tắc luồng nhánh kết nối từ luồng công cộng vào các bến cảng (Đoạn luồng vào Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất; Đoạn luồng vào Bến cảng tổng hợp Doosan Vina, Bến cảng tổng hợp Hòa Hưng; Đoạn luồng vào vũng quay tàu trước cầu cảng số 5 của bến cảng chuyên dùng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; Đoạn luồng vào Bến cảng nhà máy đóng tàu Dung Quất): tùy thuộc vào cỡ tàu khai thác và nhu cầu, năng lực của doanh nghiệp cảng.